

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	8
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	9
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	12 - 13
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	14 - 44
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (*)	45 - 55
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát (*)	56

(*) Các báo cáo này được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát lập theo quy định tại Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài Chính ban hành và không phải là một phần của báo cáo tài chính giữa niên độ.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 59/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 7 năm 2014 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 16/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2014. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.511.338,59 chứng chỉ quỹ ("CCQ") với tổng giá trị là 65.113.385.900 VND, chiếm 130,23% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 284.102.241.900 VND tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Tầng 4, Manulife Plaza, số 75 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng HSBC") được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. Ngân hàng HSBC được thành lập theo Giấy phép số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2013. Ngân hàng HSBC được chấp thuận bổ sung nội dung "Hoạt động ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán" vào Giấy phép thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1070/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV"):

- ▶ Kỳ định giá hàng tuần/hàng ngày:
 - NAV được định giá hai (2) lần/tuần vào thứ Tư và thứ Sáu cho đến ngày 28 tháng 3 năm 2025.
 - NAV được định giá năm (5) lần/ tuần (hàng ngày) từ ngày 31 tháng 3 năm 2025.
- ▶ Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.

Mục tiêu của Quỹ là đem đến sự tăng trưởng giá trị đầu tư vốn trong thời gian từ trung đến dài hạn. Quỹ đầu tư vào danh mục cổ phiếu chủ yếu là cổ phiếu niêm yết với một tỷ trọng lớn trong danh mục, tập trung vào các cổ phiếu tốt trong các ngành có hoạt động kinh doanh ít phụ thuộc vào sự thay đổi của chu kỳ kinh tế và các ngành có tiềm năng tăng trưởng tốt. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Chiến lược đầu tư của Quỹ là năng động dựa trên cơ sở phân tích cơ bản kinh tế vĩ mô, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê hoặc phân tích cơ bản về doanh nghiệp để đưa ra các quyết định đầu tư nhằm đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Trách nhiệm hữu hạn ("TNHH") Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 04/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 6 năm 2005 và được điều chỉnh tùy từng thời điểm, và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303861449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 6 năm 2005 và được đăng ký thay đổi tùy từng thời điểm.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày tái bổ nhiệm</i>
Ông Đinh Thế Hiển	Chủ tịch	Ngày 21 tháng 5 năm 2025
Ông Võ Sáng Xuân Vinh	Thành viên	Ngày 21 tháng 5 năm 2025
Bà Nguyễn Lê Bích Đào	Thành viên	Ngày 21 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo là bà Trần Thị Kim Cương - Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) – Công ty Quản lý Quỹ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("Tổng Giám đốc"), với tư cách là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Đại diện Quỹ phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ: 



Ông Đinh Thế Hiển
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025





Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12831527/68727665-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife ("Quỹ"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 44, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)

Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam), là Công ty Quản lý Quỹ ("Tổng Giám đốc"), chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quý tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Wijaya Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2036-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

B02g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
100	A. TÀI SẢN			
110	I. Tiền và tương đương tiền	5	26.975.795.242	38.234.639.864
111	1. Tiền gửi ngân hàng		26.975.795.242	38.234.639.864
120	II. Các khoản đầu tư thuần		483.473.917.200	531.873.701.400
121	1. Các khoản đầu tư	6	483.473.917.200	531.873.701.400
130	III. Các khoản phải thu		10.442.877.467	3.175.035.562
131	1. Phải thu về bán các khoản đầu tư		10.302.877.467	3.055.035.562
136	2. Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận	11	140.000.000	120.000.000
100	TỔNG TÀI SẢN		520.892.589.909	573.283.376.826
300	B. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư		5.708.900.526	1.463.166.463
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		135.751.203	77.009.694
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		13.782.650	16.152.611
316	4. Chi phí phải trả	7	623.718.038	776.937.800
317	5. Phải trả cho nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		134.897.845	480.400.000
318	6. Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		1.846.950.136	1.920.420.208
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	8	841.432.477	953.875.172
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		9.305.432.875	5.687.961.948
400	C. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ (C=A-B)		511.587.157.034	567.595.414.878
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		284.102.241.900	314.375.359.900
412	1.1 Vốn góp phát hành	9	933.302.330.300	905.344.184.800
413	1.2 Vốn góp mua lại	9	(649.200.088.400)	(590.968.824.900)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	9	123.903.267.010	149.609.799.945
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	10	103.581.648.124	103.610.255.033
430	D. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		18.007	18.055

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

B02g-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	15	28.410.224,19	31.437.535,99

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)



Bà Đặng Thị Bích Ngà
 Người lập



Bà Lê Thị Kim Dung
 Kế toán trưởng



Bà Trần Thị Kim Cương
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

B01g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
01	I. Thu nhập hoạt động đầu tư		7.044.074.800	115.482.102.350
02	1. Cổ tức được chia	11	3.370.400.000	7.048.565.000
04	2. Lãi bán các khoản đầu tư	12	24.245.527.701	64.423.295.389
05	3. Chênh lệch (giảm)/ tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	(20.571.852.901)	44.010.241.961
10	II. Chi phí hoạt động đầu tư		1.419.267.985	655.010.257
11	1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	13	1.419.267.985	655.010.257
20	III. Chi phí hoạt động Quỹ mở		5.653.413.724	6.707.660.511
20.1	1. Phí quản lý Quỹ	19.1	4.493.001.678	5.626.151.273
20.2	2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	19.2	237.752.744	269.270.616
20.3	3. Phí dịch vụ giám sát	19.2	94.653.636	87.639.071
20.4	4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ	19.2	142.664.573	146.214.765
20.5	5. Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	19.2	215.085.655	225.967.599
20.7	6. Chi phí hợp, đại hội Quỹ		344.265.851	230.310.550
20.8	7. Chi phí kiểm toán		65.457.550	61.536.903
20.10	8. Chi phí hoạt động khác		60.532.037	60.569.734
23	IV. Kết quả hoạt động đầu tư		(28.606.909)	108.119.431.582
24	V. Kết quả thu nhập khác và chi phí khác		-	-
30	VI. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế		(28.606.909)	108.119.431.582
31	1. Lợi nhuận đã thực hiện		20.543.245.992	64.109.189.621
32	2. (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(20.571.852.901)	44.010.241.961
40	VII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")		-	-
41	VIII. (Lỗ)/lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN		(28.606.909)	108.119.431.582

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)

Bà Đặng Thị Bích Ngà
Người lập

Bà Lê Thị Kim Dung
Kế toán trưởng



Bà Trần Thị Kim Cương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ B03g-QM
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
I	Giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ đầu kỳ	567.595.414.878	623.293.815.193
II	Thay đổi NAV trong kỳ	(28.606.909)	108.119.431.582
	<i>Trong đó:</i>		
1	- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	(28.606.909)	108.119.431.582
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	(55.979.650.935)	(147.165.596.472)
	<i>Trong đó:</i>		
1	- Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	46.751.364.179	37.644.500.224
2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(102.731.015.114)	(184.810.096.696)
IV	NAV của Quỹ cuối kỳ	511.587.157.034	584.247.650.303

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)

Bà Đặng Thị Bích Ngà
Người lập

Bà Lê Thị Kim Dung
Kế toán trưởng



Bà Trần Thị Kim Cương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (%)
I	Cổ phiếu			481.763.917.200	92,49
1	CTG	1.119.538	41.900	46.908.642.200	9,01
2	MBB	1.546.000	25.800	39.886.800.000	7,66
3	HPG	1.626.000	22.700	36.910.200.000	7,09
4	FPT	275.000	118.200	32.505.000.000	6,24
5	TCB	900.000	34.200	30.780.000.000	5,91
6	MWG	376.600	65.500	24.667.300.000	4,74
7	VPB	1.090.000	18.500	20.165.000.000	3,87
8	VHM	255.000	76.700	19.558.500.000	3,75
9	KDH	600.400	29.400	17.651.760.000	3,39
10	REE	253.000	68.100	17.229.300.000	3,31
11	SSI	636.000	24.700	15.709.200.000	3,02
12	ACB	710.000	21.300	15.123.000.000	2,90
13	VCB	262.950	57.000	14.988.150.000	2,88
14	CTD	170.000	85.500	14.535.000.000	2,79
15	TCH	600.000	20.000	12.000.000.000	2,30
16	DBC	350.000	34.000	11.900.000.000	2,28
17	HVN	300.000	37.900	11.370.000.000	2,18
18	STB	230.000	46.700	10.741.000.000	2,06
19	BVH	200.000	53.100	10.620.000.000	2,04
20	EIB	420.000	22.850	9.597.000.000	1,84
21	MSN	120.000	76.800	9.216.000.000	1,77
22	SCS	120.000	67.200	8.064.000.000	1,55
23	GAS	114.800	67.800	7.783.440.000	1,49
24	NT2	400.000	19.250	7.700.000.000	1,48
25	NLG	170.000	39.100	6.647.000.000	1,28
26	PVS	200.000	32.900	6.580.000.000	1,26
27	HCM	300.000	21.400	6.420.000.000	1,23
28	ACV	55.000	98.500	5.417.500.000	1,04
29	PLX	134.500	37.250	5.010.125.000	0,96
30	VCI	120.000	35.750	4.290.000.000	0,82
31	PVT	100.000	17.900	1.790.000.000	0,34
II	Các loại chứng khoán khác			1.710.000.000	0,33
1	Quyền mua cổ phiếu HCM	300.000	5.700	1.710.000.000	0,33

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 B04g-QM
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (%)
III	Các tài sản khác			10.442.877.467	2,00
1	Phải thu về bán các khoản đầu tư			10.302.877.467	1,98
2	Cổ tức dự thu			140.000.000	0,03
IV	Tiền và tương đương tiền			26.975.795.242	5,18
1	Tiền gửi ngân hàng			26.975.795.242	5,18
V	Tổng giá trị danh mục			520.892.589.909	100,00

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)





Bà Đặng Thị Bích Nga
 Người lập

Bà Lê Thị Kim Dung
 Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Kim Cương
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế		(28.606.909)	108.119.431.582
	<i>Điều chỉnh:</i>			
02	Các khoản giảm/(tăng) giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		20.571.852.901	(44.010.241.961)
04	(Giảm)/tăng chi phí trích trước		(153.219.762)	33.739.587
05	2. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		20.390.026.230	64.142.929.208
20	Giảm các khoản đầu tư		27.827.931.299	82.997.915.161
06	Tăng các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư		(7.247.841.905)	(5.937.135.917)
07	(Tăng)/giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(20.000.000)	160.100.000
08	Tăng các khoản phải thu khác		-	(293.475.332)
10	Tăng phải trả cho người bán		4.245.734.063	6.686.695.021
11	Tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		58.741.509	66.731.169
13	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(2.369.961)	11.579.199
14	(Giảm)/tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		(345.502.155)	31.160.987
15	(Giảm)/tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		(73.470.072)	1.808.785.957
17	Giảm phải trả cho dịch vụ quản lý Quỹ		(112.442.695)	(43.081.377)
19	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		44.720.806.313	149.632.204.076
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	9	46.751.364.179	37.644.500.224
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	9	(102.731.015.114)	(184.810.096.696)
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(55.979.650.935)	(147.165.596.472)
40	III. (Giảm)/tăng tiền thuần trong kỳ		(11.258.844.622)	2.466.607.604
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	5	38.234.639.864	8.739.264.556
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		38.234.639.864	8.739.264.556
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ		37.754.239.864	8.683.077.656
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		480.400.000	56.186.900

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	5	26.975.795.242	11.205.872.160
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		26.975.795.242	11.205.872.160
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ		26.840.897.397	11.118.524.273
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		134.897.845	87.347.887
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		(11.258.844.622)	2.466.607.604

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)

Bà Đặng Thị Bích Ngà
Người lập

Bà Lê Thị Kim Dung
Kế toán trưởng



Bà Trần Thị Kim Cương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025



Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 59/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 25 tháng 7 năm 2014 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 16/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2014. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Tầng 4, Manulife Plaza, số 75 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điều lệ Quỹ được ban hành trong tháng 5 năm 2014 và bản sửa đổi mới nhất được ban hành trong tháng 5 năm 2025.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) (trước đây là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam) ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 04/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 6 năm 2005.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng HSBC") được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. Ngân hàng HSBC được thành lập theo Giấy phép số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2013. Ngân hàng HSBC được chấp thuận bổ sung nội dung "Hoạt động ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán" vào Giấy phép thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1070/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.511.338,59 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị là 65.113.385.900 VND, chiếm 130,23% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 284.102.241.900 VND tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2025.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ là đem đến sự tăng trưởng giá trị đầu tư vốn trong thời gian từ trung đến dài hạn. Quỹ đầu tư vào danh mục cổ phiếu chủ yếu là cổ phiếu niêm yết với một tỷ trọng lớn trong danh mục, tập trung vào các cổ phiếu tốt trong các ngành có hoạt động kinh doanh ít phụ thuộc vào sự thay đổi của chu kỳ kinh tế và các ngành có tiềm năng tăng trưởng tốt. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Kỳ tính giá trị tài sản ròng (NAV):

- ▶ Kỳ định giá hàng tuần/hàng ngày:
 - NAV được định giá hai (2) lần/tuần vào thứ Tư và thứ Sáu cho đến ngày 28 tháng 3 năm 2025.
 - NAV được định giá năm (5) lần/tuần (hàng ngày) từ ngày 31 tháng 3 năm 2025.
- ▶ Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ

Quỹ thực hiện giao dịch chứng chỉ Quỹ năm (5) lần/tuần (hàng ngày) từ thứ Hai đến thứ Sáu, có hiệu lực từ ngày 31 tháng 3 năm 2025, thay cho tần suất giao dịch hai (2) lần/tuần trước đó. Nếu ngày giao dịch là ngày nghỉ của thị trường chứng khoán Việt Nam thì Quỹ sẽ không thực hiện giao dịch trong ngày nghỉ đó và ngày giao dịch kế tiếp sẽ là ngày làm việc tiếp theo.

Hạn chế đầu tư

Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan của một tổ chức phát hành;
- d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng và chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ, được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
- e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng;

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật, chứng chỉ quỹ đại chúng; cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng và quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của chính quỹ đó;
- i) Chỉ được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do Công Ty Quản Lý Quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào Chứng Chỉ Quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các Chứng Chỉ Quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k) Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành;
- l) Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (i) được nêu trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:
 - i. Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - ii. Do thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư;
 - iii. Do hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - iv. Do Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ điều chỉnh;
 - v. Do Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính ban hành, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ: Mẫu số B01g-QM
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ: Mẫu số B02g-QM
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ: Mẫu số B03g-QM
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ: Mẫu số B04g-QM
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ: Mẫu số B05g-QM
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ: Mẫu số B06g-QM

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 theo yêu cầu của Thông tư 198 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là VND.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Đại diện cam kết Quỹ đã tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư 198 trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở yêu cầu Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch.

4.3.1 Nguyên tắc phân loại

Các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được phân loại theo các loại tài sản tài chính (cổ phiếu, trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, công cụ phái sinh,...) và theo hình thức giao dịch (giao dịch qua sàn giao dịch chứng khoán hoặc không qua sàn giao dịch chứng khoán ("OTC")). Đối với hình thức giao dịch OTC chỉ bao gồm các khoản đầu tư chuẩn bị niêm yết.

4.3.2 Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc trên khoản mục "*Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận*" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

4.3.3 Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "*Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận*" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

4.3.4 Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các Ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Thông tư 98 và Điều lệ Quỹ và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

4.3.5 Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong sổ tay định giá như sau:

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

4.3.5 Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu (không niêm yết và có thời gian đáo hạn còn lại không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua) và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán. Trường hợp không có giá yết nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, thì giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền dựa trên thời gian nắm giữ công cụ và căn cứ vào lãi suất định giá theo phương pháp định giá hợp lý, chi tiết được trình bày cụ thể trong sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu hủy niêm yết do đến thời gian đáo hạn hoặc được tổ chức phát hành mua lại toàn bộ trước thời gian đáo hạn, Trái phiếu đã được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên	<ul style="list-style-type: none">- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá thì mức giá được xác định theo phương pháp định giá trái phiếu hợp lý, chi tiết được trình bày cụ thể trong sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

4.3.5 Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu (tiếp theo)		
7.	Trái phiếu không niêm yết (có thời gian đáo hạn còn lại trên ba (3) tháng kể từ ngày mua) hoặc chưa niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	Giá trái phiếu được xác định theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none">- Giá trung bình tại ngày gần nhất trước ngày định giá do hai (02) công ty chứng khoán cung cấp cộng lãi lũy kế (nếu giá chưa bao gồm lãi lũy kế);- Giá dựa trên báo giá của một (01) công ty chứng khoán cung cấp cộng lãi lũy kế (nếu giá chưa bao gồm lãi lũy kế);- Giá sạch (clean price) của giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán	<ul style="list-style-type: none">- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá sẽ được xác định căn cứ theo quyết định của Ban Đại Diện Quỹ dựa trên những yếu tố tác động có liên quan được xem xét từ các thành viên thị trường.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none">- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá sẽ được xác định căn cứ theo quyết định của Ban Đại Diện Quỹ dựa trên những yếu tố tác động có liên quan được xem xét từ các thành viên thị trường.
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Giá sẽ được xác định căn cứ theo quyết định của Ban Đại Diện Quỹ dựa trên những yếu tố tác động có liên quan được xem xét từ các thành viên thị trường.
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Giá sẽ được xác định căn cứ theo quyết định của Ban Đại Diện Quỹ dựa trên những yếu tố tác động có liên quan được xem xét từ các thành viên thị trường.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

4.3.5 Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
12.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên như sau: <ul style="list-style-type: none">- Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá;- Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;- Giá mua
13.	Cổ phiếu đang trong giai đoạn hủy đăng ký giao dịch hoặc hủy niêm yết trên sàn giao dịch cũ để chuyển sang sàn giao dịch mới	Giá thị trường kể từ ngày hiệu lực hủy đăng ký giao dịch hoặc hủy niêm yết trên sàn giao dịch cũ cho đến ngày trước ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu này trên sàn giao dịch mới được xác định là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của cổ phiếu này tại ngày có giao dịch trên sàn cũ gần nhất trước ngày định giá.
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá	Giá sẽ được xác định căn cứ theo quyết định của Ban Đại Diện Quỹ dựa trên những yếu tố tác động có liên quan được xem xét từ các thành viên thị trường.
Các tài sản khác		
16.	Bất động sản	Giá được định giá bởi doanh nghiệp thẩm định giá tại thời điểm gần nhất.
17.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại đầu ngày giao dịch.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Quyền mua cổ phiếu

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và hạch toán vào ngày lập báo cáo theo giá trị thị trường sau khi trừ giá cam kết mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền để mua một cổ phiếu mới.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Quỹ tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu này. Theo đó, mức trích lập dự phòng như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

4.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

4.6.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các Nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ Quỹ sau khi quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ với chứng chỉ của Quỹ. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ với chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn (tiếp theo)

4.6.1 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ.
- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá đơn vị Quỹ mua lại và mệnh giá.

4.6.2 Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)

Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế) phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện, với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "*Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)*".

4.7 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối kỳ.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

4.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Quỹ mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.8 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát và Lưu ký (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.9 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các chi phí phát sinh của Quỹ được dự chi theo ngày thực tế trong kỳ định giá tương ứng với khoản dự chi phát sinh trong năm tài chính trên cơ sở số ngày thực tế trong năm. Chi tiết một số chi phí chủ yếu của Quỹ như sau:

Giá dịch vụ quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ được tính theo công thức như sau:

*Giá dịch vụ quản lý quỹ = 1,75% * Giá trị tài sản ròng được xác định vào ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / 365 (366).*

Giá dịch vụ giám sát và giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ giám sát và giá dịch vụ lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí dưới đây không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, phí giao dịch chứng khoán, v.v. Mức phí lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Giá dịch vụ giám sát và lưu ký được xác định như sau:

*Giá dịch vụ giám sát, lưu ký cho ngày định giá = Tỷ lệ giá dịch vụ giám sát, lưu ký tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính phí * Giá trị tài sản ròng được xác định vào ngày định giá * Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / 365 (366).*

Giá dịch vụ lưu ký

<u>Quy mô Quỹ</u>	<u>Giá dịch vụ (trên Giá trị tài sản ròng)</u>
Dưới 600 tỷ đồng	0,06% một năm
Từ 600 tỷ đồng tới 1.000 tỷ đồng	0,0525% một năm
Trên 1.000 tỷ đồng	0,045% một năm

Giá dịch vụ lưu ký tối thiểu: 15.000.000 VND/tháng (phí lưu ký không chịu thuế GTGT).

Giá dịch vụ giám sát

<u>Giá dịch vụ giám sát tuân thủ</u>	
<u>Quy mô Quỹ</u>	<u>Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng)</u>
Dưới 600 tỷ đồng	0,025% một năm
Từ 600 tỷ đồng tới 1.000 tỷ đồng	0,022% một năm
Trên 1.000 tỷ đồng	0,0187% một năm

Giá giám sát tuân thủ tối thiểu: 5.000.000 VND/tháng, chưa bao gồm thuế GTGT.

Giá xác nhận giá trị tài sản ròng được áp dụng đối với tần suất định giá hàng ngày là 7.000.000 VND mỗi tháng, chưa bao gồm thuế GTGT.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111") và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành ("Thông tư 25"). Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại theo mức thuế suất hiện hành (mức thuế suất 2024 là 20%) lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho cá nhân đầu tư vốn, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng số cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư 111, Thông tư 25, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 và Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với phần thu nhập của nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

4.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo định nghĩa trong Thông tư 198 được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

4.13 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198 không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.14 Nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ mở

Giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

NAV trên một đơn vị Quỹ bằng NAV chia cho tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Việc xác định giá thị trường các tài sản của Quỹ được thực hiện theo phương pháp quy định tại Điều lệ Quỹ và Sổ tay định giá của Quỹ (Thuyết minh số 4.3).

4.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và phải thu, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ, nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, và chi phí phải trả.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

5. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tiền gửi cho hoạt động của quỹ mở	26.840.897.397	37.754.239.864
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	134.897.845	480.400.000
	26.975.795.242	38.234.639.864

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Giá mua [1]	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý [2]	Chênh lệch do đánh giá lại		Đơn vị tính: VND
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
			[3]	[4]	
					Giá trị đánh giá lại [6]=[1]+[3]-[4]
					[5]=[3]-[4]
Ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Cổ phiếu	418.206.914.013	481.763.917.200	67.661.302.626	4.104.299.439	63.557.003.187
Quyền mua cổ phiếu	-	1.710.000.000	1.710.000.000	-	1.710.000.000
	418.206.914.013	483.473.917.200	69.371.302.626	4.104.299.439	65.267.003.187
					483.473.917.200
Ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Cổ phiếu	446.034.845.312	531.873.701.400	91.736.979.655	5.898.123.567	85.838.856.088
	446.034.845.312	531.873.701.400	91.736.979.655	5.898.123.567	85.838.856.088
					531.873.701.400
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập					(20.571.852.901)

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

7. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>
Phải trả chi phí họp, đại hội Quỹ	498.753.651	680.487.800
Phải trả chi phí kiểm toán	65.457.550	36.450.000
Phải trả chi phí thù lao Ban Đại diện Quỹ	59.506.837	60.000.000
	623.718.038	776.937.800

8. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>
Phải trả phí quản lý Quỹ	724.653.290	844.228.519
Phải trả phí lưu ký	32.495.257	40.944.978
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	38.576.624	33.147.593
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	26.725.375	22.287.633
Phải trả phí dịch vụ giám sát	18.981.931	13.266.449
	841.432.477	953.875.172

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

9. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp phát hành				Vốn góp mua lại				Giá trị tài sản ròng hiện hành/ chứng chỉ quỹ (VND)				
	Số lượng (chứng chỉ quỹ)	Giá trị tài sản ròng bình quân (VND)	Giá trị ghi theo mệnh giá (VND)	Thặng dư vốn (VND)	Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ (VND)	Số lượng (chứng chỉ quỹ)	Giá trị tài sản ròng bình quân (VND)	Giá trị ghi theo mệnh giá (VND)		Thặng dư vốn (VND)	Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ (VND)	Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành (chứng chỉ quỹ)	Giá trị vốn góp hiện hành (VND)
Tại ngày 1/1/2025	90.534.418,48	15.361	905.344.184.800	485.335.909.189	1.390.680.093.989	(59.096.882,49)	15.681	(590.968.824.900)	(335.726.109.244)	(926.694.934.144)	31.437.535,99	463.985.159.845	18.055
Phát sinh trong kỳ	2.795.814,55	16.722	27.958.145.500	18.793.218.679	46.751.364.179	(5.823.126,35)	17.642	(58.231.263.500)	(44.499.751.614)	(102.731.015.114)	(3.027.311,80)	(55.979.650.935)	(48)
Tại ngày 30/6/2025	93.330.233,03	15.402	933.302.330.300	504.129.127.868	1.437.431.458.168	(64.920.008,84)	15.857	(649.200.088.400)	(380.225.860.858)	(1.029.425.949.258)	28.410.224,19	408.005.508.910	18.007

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

10. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	65.267.003.187	85.838.856.088
Lợi nhuận đã thực hiện	38.314.644.937	17.771.398.945
	103.581.648.124	103.610.255.033

11. CỔ TỨC

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Cổ tức		
Cổ tức phát sinh trong kỳ đã nhận	3.230.400.000	6.783.565.000
Cổ tức dự thu đến cuối kỳ	140.000.000	265.000.000
	3.370.400.000	7.048.565.000

12. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
	Tổng giá trị bán (đã bao gồm phí môi giới) VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán VND	Lãi bán chứng khoán VND
Cổ phiếu	499.126.041.000	474.880.513.299	24.245.527.701	64.423.295.389

13. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	670.578.900	216.939.223
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	748.689.085	438.071.034
	1.419.267.985	655.010.257

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

14. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025:

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(Giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ cuối/Tháng 12				
Kỳ 1/Tháng 1	567.595.414.878	31.437.535,99	18.055	41
Kỳ 2/Tháng 1	568.907.021.455	31.437.535,99	18.096	(446)
Kỳ 3/Tháng 1	552.981.809.114	31.329.876,62	17.650	33
Kỳ 4/Tháng 1	550.333.595.739	31.122.659,29	17.683	(270)
Kỳ 5/Tháng 1	541.522.832.736	31.098.173,55	17.413	167
Kỳ 6/Tháng 1	546.229.779.116	31.071.140,77	17.580	59
Kỳ 7/Tháng 1	548.359.060.882	31.088.246,56	17.639	226
Kỳ cuối/Tháng 1	555.547.909.799	31.097.760,71	17.865	50
Kỳ 1/Tháng 2	557.231.237.213	31.103.796,73	17.915	17
Kỳ 2/Tháng 2	557.764.898.851	31.103.796,73	17.932	74
Kỳ 3/Tháng 2	560.067.223.387	31.103.965,42	18.006	(81)
Kỳ 4/Tháng 2	557.598.559.668	31.107.649,43	17.925	65
Kỳ 5/Tháng 2	559.387.919.000	31.093.994,05	17.947	(43)
Kỳ 6/Tháng 2	556.899.896.670	31.029.884,62	17.947	166
Kỳ 7/Tháng 2	560.515.082.184	30.944.770,05	18.113	142
Kỳ 8/Tháng 2	561.600.010.421	30.763.875,99	18.255	66
Kỳ cuối/Tháng 2	557.152.211.807	30.411.080,03	18.321	(86)
Kỳ 1/Tháng 3	553.546.584.821	30.355.940,54	18.235	63
Kỳ 2/Tháng 3	555.456.216.974	30.355.940,54	18.298	97
Kỳ 3/Tháng 3	556.053.808.336	30.228.553,67	18.395	89
Kỳ 4/Tháng 3	557.356.619.276	30.154.214,22	18.484	(265)
Kỳ 5/Tháng 3	542.137.353.889	29.756.995,21	18.219	(58)
Kỳ 6/Tháng 3	531.740.586.685	29.278.803,96	18.161	(107)
Kỳ 7/Tháng 3	527.772.765.919	29.232.548,16	18.054	65
Kỳ 8/Tháng 3	529.613.271.801	29.229.135,67	18.119	(157)
Kỳ 9/Tháng 3	517.829.703.624	28.828.970,81	17.962	(101)
Kỳ cuối/Tháng 3	514.925.512.801	28.829.123,63	17.861	(112)
	511.616.344.786	28.824.673,90	17.749	

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

14. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(Giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 1/Tháng 4	514.600.046.553	28.812.319,55	17.860	111
Kỳ 2/Tháng 4	513.018.700.508	28.761.904,20	17.837	(23)
Kỳ 3/Tháng 4	479.133.684.169	28.749.626,73	16.666	(1.171)
Kỳ 4/Tháng 4	456.622.798.689	28.112.376,14	16.243	(423)
Kỳ 5/Tháng 4	430.290.193.011	28.151.515,70	15.285	(958)
Kỳ 6/Tháng 4	416.057.083.430	28.201.044,32	14.753	(532)
Kỳ 7/Tháng 4	439.390.501.561	28.252.311,36	15.552	799
Kỳ 8/Tháng 4	464.624.406.480	28.763.636,73	16.153	601
Kỳ 9/Tháng 4	476.814.788.613	29.160.520,78	16.351	198
Kỳ 10/Tháng 4	473.518.072.638	29.205.904,52	16.213	(138)
Kỳ 11/Tháng 4	467.633.963.438	29.219.687,81	16.004	(209)
Kỳ 12/Tháng 4	468.535.679.932	29.236.972,26	16.025	21
Kỳ 13/Tháng 4	468.901.485.523	29.244.470,01	16.034	9
Kỳ 14/Tháng 4	466.607.326.799	29.250.137,96	15.952	(82)
Kỳ 15/Tháng 4	466.193.135.271	29.271.812,06	15.926	(26)
Kỳ 16/Tháng 4	471.311.467.430	29.301.440,35	16.085	159
Kỳ 17/Tháng 4	473.054.397.734	29.291.905,15	16.150	65
Kỳ 18/Tháng 4	475.858.122.642	29.287.522,49	16.248	98
Kỳ 19/Tháng 4	474.364.880.104	29.295.024,33	16.193	(55)
Kỳ cuối/Tháng 4	473.950.874.359	29.305.039,54	16.173	(20)
Kỳ 1/Tháng 5	473.836.770.347	29.305.039,54	16.169	(4)
Kỳ 2/Tháng 5	477.588.403.139	29.304.154,64	16.298	129
Kỳ 3/Tháng 5	477.244.057.335	29.306.059,48	16.285	(13)
Kỳ 4/Tháng 5	478.136.286.419	29.303.734,63	16.317	32
Kỳ 5/Tháng 5	479.281.527.831	29.096.665,66	16.472	155
Kỳ 6/Tháng 5	477.907.418.097	29.096.784,27	16.425	(47)
Kỳ 7/Tháng 5	482.595.447.253	29.097.666,76	16.585	160
Kỳ 8/Tháng 5	488.417.569.913	29.068.691,03	16.802	217

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

14. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tài ngày tính NAV VND	Tăng/(Giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 9/Tháng 5	492.882.603.563	29.058.634,45	16.962	160
Kỳ 10/Tháng 5	494.612.958.940	29.082.162,70	17.007	45
Kỳ 11/Tháng 5	489.211.244.784	29.074.195,06	16.826	(181)
Kỳ 12/Tháng 5	487.895.961.596	29.068.840,10	16.784	(42)
Kỳ 13/Tháng 5	494.224.741.335	29.060.729,55	17.007	223
Kỳ 14/Tháng 5	497.189.407.870	29.047.539,25	17.116	109
Kỳ 15/Tháng 5	495.211.223.829	29.034.815,44	17.056	(60)
Kỳ 16/Tháng 5	495.690.265.219	28.994.642,18	17.096	40
Kỳ 17/Tháng 5	501.986.081.847	29.012.238,60	17.303	207
Kỳ 18/Tháng 5	504.281.091.399	28.973.330,77	17.405	102
Kỳ 19/Tháng 5	504.571.515.218	29.109.859,89	17.333	(72)
Kỳ 20/Tháng 5	502.431.286.449	29.046.413,69	17.298	(35)
Kỳ Cuối/Tháng 5	497.227.918.856	29.032.449,95	17.127	(171)
Kỳ 1/Tháng 6	497.198.077.717	29.032.449,95	17.126	(1)
Kỳ 2/Tháng 6	499.737.551.258	29.028.879,08	17.215	89
Kỳ 3/Tháng 6	505.379.557.655	29.036.853,11	17.405	190
Kỳ 4/Tháng 6	503.680.612.290	29.011.677,60	17.361	(44)
Kỳ 5/Tháng 6	502.552.259.934	28.990.899,23	17.335	(26)
Kỳ 6/Tháng 6	497.886.812.036	28.991.009,86	17.174	(161)
Kỳ 7/Tháng 6	494.282.003.602	28.935.076,50	17.082	(92)
Kỳ 8/Tháng 6	494.898.214.345	28.909.166,23	17.119	37
Kỳ 9/Tháng 6	495.942.692.300	28.885.265,03	17.169	50
Kỳ 10/Tháng 6	502.119.499.708	28.879.932,82	17.386	217
Kỳ 11/Tháng 6	499.633.821.433	28.877.007,07	17.302	(84)
Kỳ 12/Tháng 6	505.876.812.163	28.758.108,84	17.591	289
Kỳ 13/Tháng 6	506.504.266.726	28.704.217,54	17.646	55
Kỳ 14/Tháng 6	507.241.391.017	28.699.999,04	17.674	28

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

14. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(Giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 15/Tháng 6	507.329.601.430	28.641.362,66	17.713	39
Kỳ 16/Tháng 6	507.882.301.262	28.608.453,18	17.753	40
Kỳ 17/Tháng 6	506.890.171.495	28.555.494,65	17.751	(2)
Kỳ 18/Tháng 6	508.854.148.550	28.501.386,19	17.854	103
Kỳ 19/Tháng 6	508.320.847.666	28.498.535,34	17.837	(17)
Kỳ 20/Tháng 6	508.849.957.015	28.483.768,53	17.865	28
Kỳ 21/Tháng 6	509.766.299.499	28.456.532,50	17.914	49
Kỳ cuối/Tháng 6	511.587.157.034	28.410.224,19	18.007	93

NAV bình quân trong kỳ

505.949.636,258

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ trong kỳ Mức Cao Nhất

1.171

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ trong kỳ Mức Thấp Nhất

1



Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

14. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(Giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ cuối/Tháng 12 năm trước				
Kỳ 1/Tháng 1	623.293.815.193	41.577.400,26	14.991	92
Kỳ 2/Tháng 1	627.111.261.363	41.577.400,26	15.083	223
Kỳ 3/Tháng 1	634.161.930.624	41.432.291,40	15.306	110
Kỳ 4/Tháng 1	636.798.864.774	41.308.015,89	15.416	7
Kỳ 5/Tháng 1	635.797.814.301	41.222.783,07	15.423	74
Kỳ 6/Tháng 1	636.866.975.652	41.097.437,45	15.497	111
Kỳ 7/Tháng 1	637.821.034.931	40.866.245,72	15.608	147
Kỳ 8/Tháng 1	641.344.879.666	40.707.385,22	15.755	(152)
Kỳ 9/Tháng 1	633.038.628.124	40.572.043,33	15.603	68
Kỳ cuối/Tháng 1	634.805.458.055	40.509.366,03	15.671	(180)
Kỳ 1/Tháng 2	622.812.558.141	40.204.310,44	15.491	225
Kỳ 2/Tháng 2	631.837.527.257	40.204.310,44	15.716	340
Kỳ 3/Tháng 2	644.187.740.949	40.121.151,17	16.056	82
Kỳ 4/Tháng 2	647.147.166.810	40.101.251,76	16.138	246
Kỳ 5/Tháng 2	656.901.652.465	40.093.998,26	16.384	39
Kỳ 6/Tháng 2	656.855.206.970	39.995.359,32	16.423	353
Kỳ cuối/Tháng 2	670.407.942.020	39.963.395,41	16.776	259
Kỳ 1/Tháng 3	676.606.416.925	39.718.382,31	17.035	231
Kỳ 2/Tháng 3	683.578.240.850	39.589.986,79	17.266	(27)
Kỳ 3/Tháng 3	680.259.577.148	39.459.823,02	17.239	(204)
Kỳ 4/Tháng 3	669.161.766.944	39.281.832,42	17.035	337
Kỳ 5/Tháng 3	681.109.759.053	39.206.552,67	17.372	(440)
Kỳ cuối/Tháng 3	660.958.536.137	39.035.683,60	16.932	



Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

14. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(Giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 6/Tháng 3	685.412.993.641	38.997.176,76	17.576	644
Kỳ 7/Tháng 3	684.887.366.415	38.844.189,29	17.632	56
Kỳ 8/Tháng 3	691.072.653.404	38.717.318,57	17.849	217
Kỳ cuối/Tháng 3	683.572.395.388	38.543.986,87	17.735	(114)
Kỳ 1/Tháng 4	684.718.400.719	38.543.986,87	17.765	30
Kỳ 2/Tháng 4	670.791.108.407	38.456.197,55	17.443	(322)
Kỳ 3/Tháng 4	664.827.009.729	38.409.919,08	17.309	(134)
Kỳ 4/Tháng 4	660.830.449.896	38.148.686,70	17.322	13
Kỳ 5/Tháng 4	642.972.284.741	38.080.645,98	16.884	(438)
Kỳ 6/Tháng 4	633.646.012.666	38.183.678,14	16.595	(289)
Kỳ 7/Tháng 4	628.427.325.754	38.216.562,92	16.444	(151)
Kỳ 8/Tháng 4	651.841.427.523	38.280.495,27	17.028	584
Kỳ cuối/Tháng 4	654.176.163.541	38.304.169,02	17.078	50
Kỳ 1/Tháng 5	661.134.546.110	38.304.169,02	17.260	182
Kỳ 2/Tháng 5	674.534.299.269	38.143.798,94	17.684	424
Kỳ 3/Tháng 5	672.280.450.229	38.072.287,12	17.658	(26)
Kỳ 4/Tháng 5	665.248.460.786	37.946.347,40	17.531	(127)
Kỳ 5/Tháng 5	681.136.864.167	37.873.552,63	17.984	453
Kỳ 6/Tháng 5	678.506.936.147	37.749.963,82	17.974	(10)
Kỳ 7/Tháng 5	620.173.892.517	34.305.365,11	18.078	104
Kỳ 8/Tháng 5	614.695.090.248	34.221.239,78	17.962	(116)
Kỳ 9/Tháng 5	604.252.356.805	34.152.680,30	17.693	(269)
Kỳ cuối/Tháng 5	602.053.382.726	34.044.094,30	17.685	(8)

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

14. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(Giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 1/Tháng 6	612.289.091.560	34.044.094,30	17.985	300
Kỳ 2/Tháng 6	606.952.656.778	33.916.636,32	17.895	(90)
Kỳ 3/Tháng 6	611.756.363.260	33.867.078,16	18.063	168
Kỳ 4/Tháng 6	620.462.104.458	33.688.500,04	18.418	355
Kỳ 5/Tháng 6	608.555.652.238	33.474.844,14	18.179	(239)
Kỳ 6/Tháng 6	610.964.758.137	33.362.102,86	18.313	134
Kỳ 7/Tháng 6	593.619.212.981	33.231.271,62	17.863	(450)
Kỳ 8/Tháng 6	592.055.156.947	33.115.572,25	17.878	15
Kỳ cuối/Tháng 6	584.247.650.303	33.119.307,90	17.641	(237)

NAV bình quân trong kỳ

645.401.212.160

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ trong kỳ Mức Cao Nhất

644

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ trong kỳ Mức Thấp Nhất

7

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

15. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đến 1 năm	4.667.591,61	4.774.281,10
Trên 1 năm	23.742.632,58	26.663.254,89
	28.410.224,19	31.437.535,99

16. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tỷ lệ chi phí hoạt động	2,80%	2,28%
Tốc độ vòng quay danh mục	187,01%	67,66%

16.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Tỷ lệ này được tính toán cho 12 tháng tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính giữa niên độ, tỷ lệ này được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán 6 tháng với 2.

Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = $\frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (thuế TNDN), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ;
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

16.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính giữa niên độ, tỷ lệ này được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán 6 tháng với 2.

Tốc độ vòng quay danh mục (%) = $\frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ}) \times 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$

17. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

17.1 *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

Các phân tích độ nhạy đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Quỹ cũng là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có.

17.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tiền gửi đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng,...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

17. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

18. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025:

	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính		
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	483.473.917.200	483.473.917.200
- Cổ phiếu	481.763.917.200	481.763.917.200
- Quyền mua cổ phiếu	1.710.000.000	1.710.000.000
Tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải thu	37.418.672.709	37.418.672.709
- Tiền gửi ngân hàng	26.975.795.242	26.975.795.242
- Các khoản phải thu	10.442.877.467	10.442.877.467
	520.892.589.909	520.892.589.909
Nợ tài chính phải trả		
Phải trả về mua các khoản đầu tư	5.708.900.526	5.708.900.526
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	841.432.477	841.432.477
Chi phí phải trả	623.718.038	623.718.038
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	135.751.203	135.751.203
	7.309.802.244	7.309.802.244

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả về mua các khoản đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh số 4.3*.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

19.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Phí quản lý Quỹ	4.493.001.678	5.626.151.273
Các số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025:		
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phí quản lý Quỹ phải trả	724.653.290	844.228.519

b) Phụ cấp Ban đại diện Quỹ

Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	59.506.837	59.672.134

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

19.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng HSBC là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ và dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng HSBC một khoản phí quản trị quỹ được tính như sau:

*Giá dịch vụ quản trị quỹ = Tỷ lệ giá dịch vụ quản trị quỹ tính theo năm * Giá trị tài sản ròng được xác định vào ngày định giá * Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá /365 (366), (tối thiểu là 5.000.000 đồng mỗi tháng, chưa bao gồm thuế GTGT).*

<i>Quy mô Quỹ</i>	<i>Giá dịch vụ (trên giá trị tài sản ròng)</i>
Dưới 600 tỷ đồng	0,042% một năm
Từ 600 tỷ đồng tới 1.000 tỷ đồng	0,033% một năm
Trên 1.000 tỷ đồng	0,024% một năm

Giá dịch vụ lập báo cáo được áp dụng đối với tần suất định giá hàng ngày là 7.000.000 đồng mỗi tháng, chưa bao gồm thuế GTGT.

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng HSBC giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng bao gồm các khoản phí như giá dịch vụ duy trì dữ liệu (tối thiểu là 8.000.000 đồng mỗi tháng, chưa bao gồm thuế GTGT), giá dịch vụ báo cáo giao dịch được áp dụng đối với tần suất định giá hàng ngày (9.000.000 đồng mỗi tháng, chưa bao gồm thuế GTGT), giá dịch vụ tạo dữ liệu, giá dịch vụ xử lý giao dịch (mua mới hoặc bán lại, hoán đổi và chuyển nhượng), và các phí khác..

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ với Ngân hàng Giám sát:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>
Phí dịch vụ lưu ký	237.752.744	269.270.616
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	215.085.655	225.967.599
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	142.664.573	146.214.765
Phí dịch vụ giám sát	94.653.636	87.639.071

Các số dư với Ngân hàng Giám sát tại ngày 30 tháng 6 năm 2025:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>
Tiền gửi ngân hàng	26.975.795.242	38.234.639.864
Phải trả phí lưu ký	32.495.257	40.944.978
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	38.576.624	33.147.593
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	26.725.375	22.287.633
Phải trả phí dịch vụ giám sát	18.981.931	13.266.449

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

20. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ

CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc từ ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc từ ngày 30 tháng 6 năm 2024
Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động		
Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý trả cho công ty quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	1,78	1,74
Tỷ lệ giá dịch vụ lưu ký, giám sát trả cho ngân hàng giám sát/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,13	0,11
Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,14	0,12
Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,03	0,02
Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ bảo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,02	0,02
Các chỉ tiêu khác		
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%)	13,53	10,87
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư/cổ đông lớn nhất cuối kỳ (%)	29,27	25,46
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%)	0,06	0,03
Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối kỳ (VND)	18.007	17.641
Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ, kể cả giao dịch ký danh	8.462	8.226

21. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)

Bà Đặng Thị Bích Nga
Người lập

Bà Lê Thị Kim Dung
Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Kim Cương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU MANULIFE (“QUỸ”)

1. Mục tiêu của Quỹ:

Mục tiêu của Quỹ là đem đến sự tăng trưởng giá trị đầu tư vốn trong thời gian từ trung đến dài hạn. Quỹ đầu tư vào danh mục cổ phiếu chủ yếu là cổ phiếu niêm yết với một tỷ trọng lớn trong danh mục, tập trung vào các cổ phiếu tốt trong các ngành có hoạt động kinh doanh ít phụ thuộc vào sự thay đổi của chu kỳ kinh tế và các ngành có tiềm năng tăng trưởng tốt. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:

Tính đến cuối kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ giảm 9,87% so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:

Chiến lược đầu tư của Quỹ MAFEQI được xây dựng trên nền tảng của một quy trình đầu tư cổ phiếu kết hợp cả yếu tố Từ Trên Xuống (Top Down – Phân tích tổng quan kinh tế và ngành) và Từ Dưới Lên (Bottom Up – Phân tích cơ bản công ty) với tầm nhìn từ trung đến dài hạn. Phân tích cơ bản công ty là cốt lõi của chiến lược đầu tư này.

4. Phân loại Quỹ:

Quỹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 59/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 7 năm 2014 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 16/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2014.

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao)

Mức độ rủi ro ngắn hạn của Quỹ ở trung bình.

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 20 tháng 10 năm 2014.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, số lượng Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 28.410.224,19 tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 284.102.241.900 đồng.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:

Quỹ không áp dụng chỉ số tham chiếu.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU MANULIFE (“QUỸ”) (tiếp theo)

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ, được chấp thuận bởi Ban Đại Diện Quỹ và trình Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.

Quỹ MAFEQI sẽ chỉ xem xét việc phân phối lợi nhuận từ các nguồn sau đây và với các điều kiện sau đây:

- a. Lợi nhuận lũy kế của Quỹ cho đến cuối năm tài chính mà Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định.
- b. Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ trong quá trình hoạt động.
- c. Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho Nhà Đầu Tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm).

Cổ tức Quỹ có thể được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng Đơn Vị Quỹ. Chỉ những Nhà Đầu Tư có tên trên danh sách Nhà Đầu Tư sở hữu trên một Đơn Vị Quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức từ Quỹ.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, lãi thuần thực tế phân phối trên một đơn vị CCQ là 3.646 đồng.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (%)	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (%)	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (%)
Cổ phiếu	92,49	97,04	98,83
Tiền và tương đương tiền	5,18	1,88	0,52
Các tài sản khác	2,33	1,08	0,65
Tổng	100,00	100,00	100,00

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ	511.587.157.034	584.247.650.303	625.108.053.530
2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	28.410.224,19	33.119.307,90	44.198.803,84
2.3. Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị CCQ	18.007	17.641	14.143
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	18.484	18.418	14.255
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	14.753	15.083	12.843
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	n/a (a)	n/a (a)	n/a (a)
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	n/a (a)	n/a (a)	n/a (a)
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	n/a (a)	n/a (a)	n/a (a)
2.9. Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	n/a (a)	n/a (a)	n/a (a)
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	(0,27)	17,68	11,47
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	(60)	512,54	(614,11)
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	n/a (b)	n/a (b)	n/a (b)
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	n/a (b)	n/a (b)	n/a (b)
2.12. Ngày chốt quyền	n/a (b)	n/a (b)	n/a (b)
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,80	2,28	2,23
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	187,01	67,66	50,54

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
- 1 năm	2,07	2,07
- 3 năm	19,43	6,10
- Từ khi thành lập	80,09	5,65

4. Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	2,07	24,73	(6,19)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

Thị trường chứng khoán: Trong nửa đầu năm 2025, chỉ số VN-Index ghi nhận diễn biến tích cực, tăng 8,6% so với đầu năm và đóng cửa ở mức 1.376 điểm vào cuối tháng 6. Đà tăng này được thúc đẩy bởi sự kết hợp của các yếu tố vĩ mô và cấu trúc thuận lợi. Trước hết, GDP của Việt Nam tăng trưởng 7,52% trong nửa đầu năm – mức tăng cao nhất trong 15 năm qua – nhờ sản xuất công nghiệp phục hồi mạnh mẽ, khu vực dịch vụ duy trì ổn định và tiêu dùng nội địa bền vững. Vị thế chiến lược của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt trong bối cảnh chiến lược "Trung Quốc +1", tiếp tục thu hút dòng vốn FDI lớn, củng cố niềm tin của nhà đầu tư.

Tâm lý thị trường được hỗ trợ thêm bởi kết quả kinh doanh tích cực của doanh nghiệp và môi trường lãi suất thấp, tạo điều kiện cho tăng trưởng tín dụng. Việc triển khai hệ thống giao dịch KRX giúp nâng cao tính minh bạch và hiệu quả vận hành, trong khi kỳ vọng nâng hạng thị trường tiếp tục củng cố triển vọng tích cực. Bất chấp những thách thức toàn cầu như căng thẳng thương mại và áp lực tỷ giá, Việt Nam vẫn duy trì ổn định kinh tế vĩ mô – yếu tố then chốt giúp duy trì niềm tin của nhà đầu tư. Nhìn chung, diễn biến của VN-Index trong nửa đầu năm 2025 phản ánh nền tảng kinh tế vững chắc và niềm tin ngày càng tăng vào triển vọng dài hạn của thị trường Việt Nam.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	Một năm đến thời điểm báo cáo (%)	Ba năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	(87,65)	114,48	141,93
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	2,07	19,43	80,09
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	n/a (b)	n/a (b)	n/a (b)
Tăng trưởng hàng năm(%) /1 đơn vị CCQ	2,07	6,10	5,65
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	n/a (a)	n/a (a)	n/a (a)
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	n/a (b)	n/a (b)	n/a (b)

(a) Quỹ không sử dụng danh mục cơ cấu

(b) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán

► Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất:



► Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	511.587.157.034	584.247.650.303	(12,44)%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	18.007	17.641	2,07%

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Nguyên nhân tăng giảm quy mô Quỹ, giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ như sau:

CHỈ TIÊU	Cho giai đoạn từ ngày 30 tháng 6 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025
Giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ đầu kỳ	584.247.650.303
Thay đổi NAV trong kỳ	14.327.613.015
Trong đó:	
- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	14.327.613.015
Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	(86.988.106.284)
Trong đó:	
- Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	105.229.001.342
- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(192.217.107.626)
NAV của Quỹ cuối kỳ	511.587.157.034
Số lượng CCQ đầu kỳ	33.119.307,90
Số lượng CCQ phát hành bổ sung	6.098.402,96
Số lượng CCQ mua lại	(10.807.486,67)
Số lượng CCQ cuối kỳ	28.410.224,19
NAV/CCQ đầu kỳ	17.641
NAV/CCQ cuối kỳ	18.007

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất)

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	7.508	5.073.176,53	17,86%
Từ 5.000 đến dưới 10.000	480	3.221.265,84	11,34%
Từ 10.000 đến dưới 50.000	423	8.389.002,47	29,53%
Từ 50.000 đến 500.000	49	5.677.564,72	19,98%
Trên 500.000	2	6.049.214,63	21,29%
Tổng cộng	8.462	28.410.224,19	100,00%

3. Chi phí ngậm và giảm giá

Quỹ không có chi phí ngậm. Tất cả các chi phí của Quỹ được quy định chi tiết trong điều lệ Quỹ và bản cáo bạch.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam bước vào nửa cuối năm 2025 với tâm lý lạc quan thận trọng, được hỗ trợ bởi sự kết hợp giữa các điều kiện vĩ mô thuận lợi, động lực chính sách và các cải cách cơ cấu. Một số sự kiện then chốt định hình tâm lý thị trường bao gồm khả năng hoàn tất đàm phán song phương về thuế quan giữa Hoa Kỳ và Việt Nam. Việc hệ thống giao dịch KRX vận hành ổn định cùng với các điều chỉnh trong quy định giao dịch đang mở đường cho khả năng Việt Nam được nâng hạng lên thị trường mới nổi của FTSE vào tháng 9/2025. Quan trọng hơn cả, tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn nhiều khả năng sẽ được thúc đẩy bởi việc triển khai Nghị quyết 68-NQ/TW, còn được gọi là "Đổi Mới 2.0", với trọng tâm là phát triển khu vực tư nhân, chuyển đổi số, tinh gọn bộ máy nhà nước và cải cách hạ tầng – tài khóa.

Với tầm nhìn đầu tư dài hạn, trên cơ sở ổn định và phát triển bền vững của bức tranh kinh tế vĩ mô, thị trường cổ phiếu Việt Nam sẽ mang lại cơ hội đầu tư hấp dẫn cho các nhà đầu tư. Những thay đổi về chính sách đối với thị trường cổ phiếu và trái phiếu trong thời gian qua sẽ tiếp tục góp phần lành mạnh hóa thị trường, tăng lòng tin cho các nhà đầu tư và tạo nền tảng cho thị trường chứng khoán nói chung phát triển bền vững trong trung và dài hạn. Vì vậy, chúng tôi tin rằng thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục là kênh huy động vốn hiệu quả cho nền kinh tế và có nhiều tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Trách nhiệm hữu hạn ("TNHH") Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 04/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 6 năm 2005.

1. Ban điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("Công ty Quản lý Quỹ")

Ông Gianni Fiacco - Chủ tịch

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Thương mại, Đại học Toronto;
- Kế toán viên công chứng (CA), Viện Kế toán Công chứng Ontario;
- Kiểm toán viên công chứng (CPA), Viện Kế toán Công chứng Ontario.

Kinh nghiệm làm việc

- 2000 - 2005: Trưởng phòng Kiểm toán và Tư vấn, PwC LLP, Canada;
- 2005 - 2006: Giám đốc Chính sách Kế toán Toàn cầu, Manulife, Canada;
- 2006 - 2007: Phó Chủ tịch, Giám đốc Chính sách kế toán toàn cầu, Manulife, Canada;
- 2007 - 2013: Chủ tịch, Giám đốc Kiểm soát khu vực, Manulife Châu Á, Hong Kong;
- 2013 - 2015: Chủ tịch, Giám đốc Nhân sự, Manulife Investment Châu Á, Hong Kong;
- 2015 - 2017: Chủ tịch, Giám đốc Điều hành, Manulife Investment Châu Á, Hong Kong;
- 2017 - nay: Phó Chủ tịch cấp cao, Giám đốc Thị trường Mới nổi, Manulife Investment Châu Á, Hong Kong;
- 31/3/2024 - nay: Chủ tịch, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Đội ngũ quản lý đầu tư Công ty Quản lý Quỹ

Bà Trần Thị Kim Cương, CFA - Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư (tái bổ nhiệm có hiệu lực từ ngày 1 tháng 5 năm 2025)

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ kinh doanh Đại học Monash, Melbourne, Úc, chuyên ngành Tài chính và Kế toán;
- Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst);
- Chứng chỉ Hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp.

Kinh nghiệm làm việc

- 2001 - 2002: Kiểm toán viên công ty kiểm toán KPMG Việt Nam;
- 2003 - 2006: Giảng viên Khoa Kế toán Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế TP HCM;
- 2007 - 2010: Chuyên viên phân tích cấp cao, Phó phòng Đầu tư cổ phiếu, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam);
- 2010 - 2011: Trưởng phòng kế hoạch và đầu tư Công ty PepsiCo Việt Nam;
- 2011 - 5/2015: Giám đốc Đầu tư cổ phiếu, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam);
- 5/2015 - nay: Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).

Ông Nguyễn Đức Hải, CFA - Giám đốc cấp cao, Trưởng Bộ Phận Quản lý Danh Mục Đầu Tư (miễn nhiệm có hiệu lực từ ngày 2 tháng 6 năm 2025)

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng, Đại học Ghent, Vương quốc Bỉ;
- Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst);
- Chứng chỉ Hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp.

Kinh nghiệm làm việc

- 2006 - 2011: Trưởng phòng Phân tích - Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam;
- 2011 - 11/2024: Giám đốc cấp cao, Phòng Đầu tư Chứng khoán Thu nhập Cố định, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam);
- 11/2024 - 01/06/2025: Giám đốc cấp cao, Trưởng Phòng Quản lý Các Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam);
- 02/06/2025 - nay: Giám đốc cấp cao, Trưởng Bộ Phận Quản lý Danh Mục Đầu Tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Đội ngũ quản lý đầu tư Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Bà Nguyễn Thị Bích Thảo, CFA – Giám Đốc, Phòng Quản Lý Các Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Kinh Tế Đối Ngoại, Đại Học Ngoại Thương;
- Thạc Sĩ Kinh Tế Và Tài Chính Quốc Tế, University of Queensland, Úc;
- Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính Quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst);
- Chứng chỉ Hành Nghề Quản Lý Quỹ do UBCKNN cấp.

Kinh nghiệm làm việc

- 7/2005 - 8/2006: Trợ Lý Tư Vấn Thuế và Hỗ Trợ Doanh Nghiệp, KPMG Limited;
- 11/2006 - 1/2007: Chuyên viên phát triển quỹ, Mekong Capital;
- 1/2009 - 4/2010: Chuyên viên đầu tư, Mekong Capital;
- 5/2010 - 8/2010: Chuyên viên đầu tư, VIG Group;
- 9/2010 - 11/2023: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
 - 9/2010 - 3/2013: Chuyên viên phân tích đầu tư cấp cao
 - 4/2013 - 10/2020: Quản lý đầu tư cấp cao
 - 11/2020 - 11/2023: Trưởng bộ phận đầu tư cổ phiếu;
- 02/2024 - 11/2024: Trưởng phòng Đầu Tư Cổ Phiếu, Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam);
- 11/2024 - nay: Giám Đốc, Phòng Quản Lý Các Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán, Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).

Bà Nguyễn Thị Yến, Người Điều Hành Các Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán (Bổ nhiệm có hiệu lực từ ngày 02 tháng 6 năm 2025)

Trình độ chuyên môn

- Tốt nghiệp Cử nhân Kế toán, Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội
- Chứng chỉ Hành Nghề Quản Lý Quỹ do UBCKNN cấp
- Văn Bằng Chuyên Viên Phân Tích Tài Chính Quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst)

Kinh nghiệm làm việc

- 2006 - 2019: Trưởng phòng phân tích, Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- 2019 - 2020: Chuyên viên phân tích đầu tư cấp cao, Công ty Quản lý Quỹ VinaCapital
- 2020 - tháng 6/2022: Chuyên viên Phân tích đầu tư cấp cao, Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
- Tháng 6/2022 - tháng 4/2023: Trưởng phòng Đầu Tư Cổ Phiếu, Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
- Tháng 4/2023 - tháng 5/2025: Chuyên viên Đầu tư cấp cao Phòng Quản Lý Danh Mục Đầu Tư, Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
- Từ tháng 06/2025 - Nay: Người Điều Hành Các Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Ban Đại diện Quỹ

Ông Đinh Thế Hiền - Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

Trình độ chuyên môn

- Tốt nghiệp Cử nhân Kế toán, Đại học Tài chính - Kế toán TPHCM;
- Tốt nghiệp Kỹ sư máy tính, Đại học Bách khoa TPHCM;
- Thạc sỹ Tài chính, Đại học Kinh tế TPHCM;
- Tiến sỹ Tài chính, Đại học Capitol.

Kinh nghiệm làm việc

- 1993 - 1995: Chủ nhiệm bộ môn Tin học - Kế toán, Trường Kinh tế Đối ngoại Trung ương;
- 1997 - 2003: Phó phòng thẩm định, Quỹ Đầu tư phát triển đầu tư TPHCM;
- 2007 - 2010: Trưởng khoa Tài chính kế toán, Đại học Công nghệ thông tin Gia Định;
- 2008 - 2016: Thành viên Hội đồng đầu tư, ủy viên Ban Chiến lược EIB;
- 2004 - nay: Viện Trưởng Viện Nghiên cứu Tin học và Kinh tế ứng dụng.

Bà Nguyễn Lê Bích Đào - Thành viên Ban đại diện Quỹ

Trình độ chuyên môn

- Tốt nghiệp Cử nhân Anh văn, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn TPHCM;
- Tốt nghiệp Cử nhân Luật thương mại, Đại học Luật TPHCM;
- Thạc sỹ Luật thương mại quốc tế, Đại học West of England;
- Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp.
- Chứng chỉ hành nghề luật sư do Bộ Tư Pháp cấp.

Kinh nghiệm làm việc

- 2002 - 2004: Luật sư tập sự, công ty Luật Hoàng Quân;
- 2005 - 2008: Luật sư, công ty Luật Russin & Vecchi;
- 2008 - 2010: Luật sư, công ty Luật Mayer Brown JSM;
- 2010 - 2012: Giám đốc Pháp lý và Tuân thủ, công ty TNHH Quản lý Quỹ Prudential (nay là Eastspring);
- 2012 - nay: Giám đốc, trưởng phòng Pháp lý và Tuân thủ, công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Ban Đại diện Quỹ (tiếp theo)

Ông Võ Sáng Xuân Vinh - Thành viên Ban đại diện Quỹ

Trình độ chuyên môn

- Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế quốc tế, Đại học Ngoại thương;
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Trung tâm Pháp Việt đào tạo về quản lý (CFVG);
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Tài chính quốc tế, Đại học Birmingham (Vương quốc Anh);
- Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst);
- Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp.

Kinh nghiệm làm việc

- 1997 - 1998: Trợ lý kiểm toán, công ty kiểm toán PricewaterhouseCoopers;
- 1998 - 2001: Phó Trưởng phòng thẩm định, Quỹ đầu tư phát triển đô thị TPHCM (HIFU);
- 2001 - 2003: Cán bộ đầu tư, Quỹ Đầu tư Mekong Capital;
- 2003 - 2005: Phó Giám đốc, công ty TNHH Tư Vấn và Phát Triển Công Kỹ Nghệ ECO;
- 2005 - 2007: Trưởng Đại diện tại Việt Nam, Giám đốc Đầu tư, Văn phòng Đại diện Thường trú Aureos Philippines Advisers, Inc;
- 2008 - 2012: Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Sài Gòn - Thành viên Ban Kiểm soát, công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (Sotrans);
- 2012 - 2022: Phó Giám đốc, công ty TNHH Tư vấn Sóng Xanh.
- 2022 – nay: Giám đốc Vietnam Investment Nurturing Hub - thành viên Công ty TNHH Người Lạc Quan.



Bà Trần Thị Kim Cương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025



Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) là Ngân hàng Giám sát của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Manulife ("Quỹ MAFEQI" hay "Quỹ") cho kỳ báo cáo bán niên năm 2025, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong năm tài chính, Quỹ MAFEQI đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("Công ty Quản lý Quỹ" hoặc "CTQLQ") đã tuân thủ các hạn chế đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Điều lệ Quỹ và văn bản pháp luật liên quan; ngoại trừ việc phát sinh các sai lệch hạn chế đầu tư về tỷ lệ tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong tổng giá trị tài sản của Quỹ vượt hạn mức tối đa 40% quy định tại khoản 1.f, điều 9 của Điều lệ Quỹ và khoản 4.e, điều 35 của Thông tư 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98"): *"Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ"*. Các sai lệch này được xác định là do biến động giá trên thị trường chứng khoán.
- Tại các thời điểm có phát sinh sai lệch, chúng tôi đã gửi thông báo đến CTQLQ và đề nghị CTQLQ điều chỉnh danh mục đầu tư của Quỹ theo đúng thời hạn quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 98. Tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo giữa niên độ, các sai lệch của Quỹ MAFEQI đã được CTQLQ khắc phục theo đúng thời hạn quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 98.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ MAFEQI đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan;
- c) Phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan; và
- d) Các nội dung liên quan đến phân phối lợi nhuận của Quỹ MAFEQI phát sinh trong kỳ báo cáo: Không có.

Đại diện Ngân hàng Giám sát



Bà Võ Hồng Nhung
Bộ phận Ngân hàng giám sát

Bà Nguyễn Phương Thảo
Bộ phận Ngân hàng giám sát

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025